|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -------**  Số: 16/2015/TT-BLĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2015* |

**THÔNG TƯ**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 75/2014/NĐ-CP NGÀY 28 THÁNG 7 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT LAO ĐỘNG VỀ TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 75/2014/NĐ-CP);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm,*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn giao hoặc ủy quyền việc tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; phiếu đăng ký dự tuyển lao động; báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 75/2014/NĐ-CP.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP.

**Điều 3. Giao hoặc ủy quyền việc tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**

1. Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quyết định giao hoặc ủy quyền việc tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam cho tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP (sau đây được gọi tắt là tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam).

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Quyết định quy định tại Khoản 1 Điều này có hiệu lực thi hành, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi 01 bản chính Quyết định về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định quy định tại Khoản 1 Điều này có hiệu lực thi hành, tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam phải niêm yết tại trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về địa chỉ, số điện thoại, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc ủy quyền.

**Điều 4. Phiếu đăng ký dự tuyển lao động**

Phiếu đăng ký dự tuyển lao động quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP được thực hiện theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam**

1. Trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hằng năm, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam báo cáo 6 (sáu) tháng và hằng năm về tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi báo cáo như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP gửi báo cáo về tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam được Bộ Ngoại giao giao hoặc ủy quyền;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 75/2014/NĐ-CP gửi báo cáo về Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và được giao việc tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt tại địa phương.

2. Trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam báo cáo 6 (sáu) tháng và hằng năm về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi báo cáo như sau:

a) Tổ chức được Bộ Ngoại giao giao hoặc ủy quyền báo cáo Bộ Ngoại giao;

b) Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi trung tâm đặt trụ sở chính;

c) Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Trước ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hằng năm, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo 6 (sáu) tháng và hằng năm về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2015.

2. Thông tư số 09/1999/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 03 năm 1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 85/1998/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

**Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ; - Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ; - Công báo; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; - Website Bộ LĐTBXH; - Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan; - Lưu: VT, Cục VL (30 bản). | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Nguyễn Thanh Hòa** |

**Mẫu số 01:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh chụp không quá 06 tháng, cỡ 04 x 06 cm, phông nền sáng, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| *…., ngày .. tháng .. năm …* |

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG**

Kính gửi: ………………………………………….

1. Tên tôi là (chữ in hoa): ………………………………………….Giới tính:..................

2. Ngày, tháng, năm sinh: ………………………………………….Tại:..........................

3. Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu: .......................................................................

Ngày cấp: ……../……../……… Nơi cấp: ....................................................................

4. Dân tộc: ………………………..Tôn giáo: ................................................................

5. Địa chỉ đăng ký thường trú: ....................................................................................

....................................................................................................................................

6. Địa chỉ đăng ký tạm trú:..........................................................................................

.................................................................................................................................

7. Địa chỉ liên hệ:........................................................................................................

.................................................................................................................................

8. Điện thoại: ……………. Fax: ……….. E-mail: ........................................................

9. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất: ...................................................................

10. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất: ..............................................................

11. Trình độ kỹ năng nghề (nếu có): ..........................................................................

12. Ngoại ngữ: ………………………. Trình độ: .........................................................

Hiện đang tham gia tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Đảng Cộng sản Việt Nam:

....................................................................................................................................

13. Quá trình đào tạo

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Trường, cơ sở đào tạo** | **Chuyên ngành đào tạo** | **Bằng/chứng chỉ** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |

14. Quá trình làm việc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thời gian làm việc** (từ tháng năm đến tháng năm) | **Nơi làm việc**(tên, địa chỉ) | **Vị trí việc làm** (tên công việc, chức vụ) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |

15. Quan hệ gia đình (chồng/vợ, con)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Mối quan hệ** | **Năm sinh** | **Nơi ở hiện tại** | **Nơi làm việc** | **Vị trí việc làm** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |

16. Khả năng, sở trường của bản thân

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

Sau khi nghiên cứu nội dung thông báo tuyển lao động, tôi đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm (tên công việc, nơi làm việc): .................................................................................................................................

.................................................................................................................................

Tôi xin gửi các giấy tờ kèm theo như sau:

- Bản sao giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ;

- Các giấy tờ cần thiết khác theo quy định của pháp luật;

- Các giấy tờ thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

Tôi xin cam đoan những nội dung nói trên là đúng sự thật và thực hiện đúng các quy định về tuyển lao động. Nếu được trúng tuyển lao động tôi xin cam kết:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành mọi quy định của pháp luật lao động;

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

3. Thực hiện đầy đủ các quy định của tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam đã giới thiệu đến làm việc;

4. Nếu vi phạm những điều cam kết trên tôi xin chịu trách nhiệm về những thiệt hại gây ra theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đăng ký dự tuyển** (Ký và ghi rõ họ tên) |

**Mẫu số 02:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI** | |
|  | *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Kính gửi: …………………………………

**I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | **Vị trí việc làm** | **Hình thức tuyển** | |
| **Tuyển trực tiếp** | **Tuyển thông qua tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Đầu kỳ báo cáo** | | **Biến động trong kỳ báo cáo** | | **Cuối kỳ báo cáo** | |
| **Tổng số** | **Trong đó nữ** | **Tăng** | **Giảm** | **Tổng số** | **Trong đó nữ** |
| 1 | Tổng số người lao động Việt Nam | Người |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Sơ cấp nghề | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | Trung cấp | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | Cao đẳng | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học trở lên | Người |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Hợp đồng lao động |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hợp đồng không xác định thời hạn | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | Hợp đồng xác định thời hạn | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | Hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng | Người |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lý do giảm người lao động Việt Nam |  | x | x | x |  | x | x |
|  | Đơn phương chấm dứt HĐLĐ | Người | x | x | x |  | x | x |
|  | Kỷ luật, sa thải | Người | x | x | x |  | x | x |
|  | Thỏa thuận chấm dứt | Người | x | x | x |  | x | x |
|  | Khác | Người | x | x | x |  | x | x |

**III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG 06 THÁNG TỚI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Vị trí việc làm cần tuyển dụng** | **Số lượng (người)** | **Yêu cầu cụ thể** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam.

2. Về người lao động Việt Nam.

3. Các vấn đề khác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 03:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN BÁO CÁO -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………/BC- | *….., ngày … tháng .. năm…* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:…………………………………………………

**I. NHU CẦU TUYỂN NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Địa chỉ** | **Số lao động được đề nghị tuyển** | | | | | |
| **Tổng số** | **Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. TÌNH HÌNH TUYỂN CHỌN, GIỚI THIỆU NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG KỲ BÁO CÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Địa chỉ** | **Số lao động đã được tổ chức có thẩm quyền tuyển, quản lý người lao động Việt Nam tuyển chọn, giới thiệu** | | | | | | | **Số lao động được tổ chức, cá nhân nước ngoài tuyển trực tiếp** | | | | | |
| **Tổng số** | **T. đó: Số lao động đã được ký kết HĐLĐ** | **Lao động đã ký HĐLĐ chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | | **Tổng số** | **Lao động đã ký HĐLĐ chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** |  | **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. TÌNH HÌNH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**1. Số lao động đầu kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Tổng số** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | | **Loại hợp đồng lao động** | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** | **Không xác định thời hạn** | **Xác định thời hạn** | **Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Số lao động tăng trong kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Tổng số** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | | **Loại hợp đồng lao động** | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** | **Không xác định thời hạn** | **Xác định thời hạn** | **Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Số lao động giảm trong kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Tổng số** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | | **Loại hợp đồng lao động** | | | **Lý do giảm** | | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** | **Không xác định thời hạn** | **Xác định thời hạn** | **Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng** | **Đơn phương chấm dứt HĐLĐ/HĐLV** | **Kỷ luật, sa thải** | **Thỏa thuận chấm dứt** | **Lý do khác** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Số lao động cuối kỳ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài** | **Tổng số** | **Trình độ chuyên môn kỹ thuật** | | | | | **Loại hợp đồng lao động** | | |
| **Đại học trở lên** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** | **Sơ cấp nghề** | **Chưa qua đào tạo** | **Không xác định thời hạn** | **Xác định thời hạn** | **Theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định dưới 12 tháng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu) |